TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 249/2018/KDTM-PT Ngày: 02/3/2018 V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy Trúc

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/01/2018, ngày 07/02/2018, ngày 02/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/DSPT ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 335/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3042/QĐXX-PT ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T; trụ sở: đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981; trú tại: đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty H; trụ sở: Đường F, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1970; trú tại: Đường A, phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện ủy

quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-HTP, ngày 08/01/2018) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty T do ông Nguyễn Văn K là đại diện trình bày:

Ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty T có ký hợp đồng tổ chức du lịch số 16/HĐDL-TT với Công ty H. Tổng giá trị của hợp đồng là 76.780.000đồng. Theo đó Công ty T tổ chức cho nhân viên của Công ty H tham quan du lịch Tp.HCM – Ninh Chữ, thời điểm tham quan du lịch từ ngày 01/7/2016 đến ngày 03/7/2016. Sau khi ký hợp đồng, Công ty H đã tạm thanh toán cho Công ty T số tiền 23.000.000đ. Hợp đồng đã thực hiện xong nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng cho Công ty T.

Công ty T yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền còn lại là 53.780.000 đồng và tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán từ ngày 08/7/2016 đến ngày xét xử, với mức lãi 1,5%/tháng là 10.083.750đ (mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Bị đơn Công ty H do ông Lê Quang T đại diện trình bày:

Xác nhận có ký hợp đồng số 16/HĐDL-TT ngày 30/3/2016 như Công ty T trình bày. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng, do số lượng nhân viên Công ty H thực tế có nhu cầu tham gia du lịch giảm so với kế hoạch ban đầu, nên Công ty H và Công ty T ký phụ lục hợp đồng số 0816/PLHĐ DL-TT ghi ngày 19/7/2015 (số năm được tại phụ lục bị sai do đánh máy nhầm), thống nhất lại giá trị của hợp đồng giảm còn 46.125.000đồng.

Trong quá trình tổ chức chuyến đi, do chất lượng phục vụ của Công ty T không đúng với cam kết trong hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Do đó sau khi thực hiện xong chuyến tham quan, Công ty T đồng ý trừ số tiền là 5.200.000đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 14/10/2016 do Công ty T phát hành. Theo biên bản thanh lý hợp đồng này thì Công ty H chỉ còn nợ Công ty T số tiền còn lại là 17.925.000đồng, nên Công ty H chỉ chấp nhận trả cho Công ty T số tiền còn lại là 17.925.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 335/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty T số nợ phát sinh từ Hợp đồng tổ chức du lịch số 16/HĐDL-TT, ngày 30 tháng 3 năm 2016 là 17.925.000đ.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu Công ty T yêu cầu Công ty H phải thanh toán 35.855.000đ phát sinh từ Hợp đồng tổ chức du lịch số 16/HĐDL-TT, ngày 30 tháng 3 năm 2016.

3. Bác yêu cầu Công ty T yêu cầu Công ty H phải thanh toán số tiền lãi 10.083.750đ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 896.250đ (tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Công ty T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.296.937đ (hai triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng); cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.538.700đ (một triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm đồng) do Công ty T tạm nộp theo biên lai thu án phí số 0023046 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Công ty T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 758.237đ (bảy trăm năm mươi tám ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 08/9/2017 Công ty T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không đánh giá đúng sự thật khách quan và không xem xét tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Người kháng cáo trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại đơn kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét:

Các chứng cứ do Công ty T xuất trình gồm bản phụ lục hợp đồng số 0816/PLHĐ DL-TT ngày 19/7/2015 và biên bản thanh lý hợp đồng số 16/HĐDL ngày 14/10/2016 là bản photo, không có bản chính để đối chiếu.

Các thư điện tử do Công ty H xuất trình không có giá trị pháp lý vì người trả lời thư điện tử không có thẩm quyền.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T buộc Công ty H phải trả số tiền 53.780.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Đại diện Công ty H trình bày: Không chấp nhận những nội dung kháng cáo của Công ty T, vì lý do:

- Bản phụ lục hợp đồng và biên bản thanh lý là do Công ty T khởi tạo và gửi mail đến cho Công ty H nên không thể có bản chính.

- Mọi liên hệ giữa Công ty H với Công ty T đều thông qua địa chi email sales@tuoitretour.com.vn thể hiện trên trang web của Công ty T nên có giá trị pháp lý.

- Đề nghị bác kháng cáo của Công ty T. Tuy nhiên Công ty H vẫn chấp nhận nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty T theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Ghi nhận việc Công ty H chấp nhận nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty T theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là Kinh doanh Thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty T còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[2] Cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ là đúng nhưng áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để làm cơ sở giải quyết vụ án là chưa phù hợp bởi lẽ đây là tranh chấp pháp sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa 2 pháp nhân đều có mục đích lợi nhuận (việc Công ty H tổ chức cho nhân viên đi du lịch là 1 trong các hoạt động nhằm mục đích lợi nhuận) được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, nghĩ nên cần áp dụng các quy định của Luật Thương Mại để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Xét hợp đồng số 16/HĐDL-TT ngày 30/3/2016 (bl-36), có hình thức, nội dung không trái quy định của pháp luật và được các bên thừa nhận nên có hiệu lực và là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[5] Công ty T đã căn cứ hợp đồng để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc Công ty H còn nợ số tiền 53.780.000 đồng. Nhưng Công ty H chỉ xác nhận một phần nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu của Công ty T, cụ thể xác định chỉ còn nợ số tiền 17.925.000 đồng, lý do là giữa các bên có thỏa thuận lại giá trị của hợp đồng từ 76.780.000 đồng giảm còn 46.125.000 đồng và thỏa thuận chi phí hoàn trả sau chuyến đi là 5.200.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là phụ lục hợp đồng số 0816/PLHĐ DL-TT ngày 19/7/2016 (đánh máy nhầm là 19/7/2015) (bl-08) và biên bản thanh lý hợp đồng số 16/HĐDL ngày 14/10/2016 (bl-07).

[6] Công ty T không thừa nhận những chứng cứ do Công ty H xuất trình với lý do đây chỉ là bản photo không có bản chính. Tuy nhiên, Công ty T giải thích không hợp lý lý do vì sao cả 02 chứng cứ này đều được khởi tạo và gửi đến email (thư điện tử) của Công ty H từ địa chỉ email (thư điện tử) "sales@tuoitretour.com.vn" được công bố trên Website của Công ty T.

[7] Công ty T phủ nhận những nội dung trao đổi qua địa chỉ email "sales@tuoitretour.com.vn" giữa nhân viên phòng kinh doanh của Công ty mình với Công ty H với các lý do: nhân viên này không có thẩm quyền thỏa thuận với khách hàng, nhân viên kinh doanh đã nghỉ việc không biết ở đâu..., địa chỉ "sales@tuoitretour.com.vn" hiện nay Công ty không còn sử dụng để chối bỏ trách nhiệm của Công ty khi thỏa thuận với khách hàng là thể sự thiếu trách nhiệm, uy tín trong kinh doanh của Công ty T. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của Công ty T.

[8] Căn cứ quy định tại Điều 10, Điều 16 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thì thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu thư điện tử (email) có giá trị làm chứng cứ. Do vậy, hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phụ lục hợp đồng số 0816/PLHĐ DL-TT ngày 19/7/2016 và biên bản thanh lý hợp đồng số 16/HĐDL ngày 14/10/2016 được khởi tạo từ email của Công ty T gửi đến email của Công ty H là chứng cứ của vụ án và là phần không tách rời của Hợp đồng 16/HĐDL-TT ngày 30/3/2016, qua đó có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của phía Công ty H thừa nhận một phần nghĩa vụ đối với yêu cầu của Công ty T. Như vậy số tiền Công ty H phải thanh toán cho Công ty T sẽ là 46.125.000 - 23.000.000 đồng - 5.200.000 đồng = 17.925.000 đồng. Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án cấp sơ thẩm đã tuyên phù hợp nghĩ nên giữ nguyên.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H đồng ý trả tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán từ ngày 08/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo yêu cầu của Công ty T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng, nghĩ nên ghi nhận. Về nội dung này, cấp sơ thẩm cho rằng do hai bên không thống nhất ý kiến trong việc thanh lý hợp đồng nên không có cơ sở để tính lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của Công ty T là chưa đúng và gây thiệt hại đến lợi ích hợp

pháp của Công ty T nên Hồi đồng xét xử thấy cần sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty T.

[8] Do các bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả nên cần căn cứ theo quy định pháp luật để xác định mức lãi suất phù hợp. Căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại 2005 quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.". Đồng thời căn cứ mức lãi suất do 03 Ngân hàng TMCP trên địa bàn Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử là 15,975%/năm. Vì vậy, lãi suất mà Công ty H phải trả cho Công ty T là: 17.925.000 đồng x 412 ngày x 15,975%/365 = 3.232.000 đồng.

[9] Đối với quyết định các phần khác của bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với quy định pháp luật, nghĩ nên giữ nguyên.

[10] Về án phí sơ thẩm: Do cấp sơ thẩm tính án phí theo mức án phí vụ án dân sự sơ thẩm là chưa đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm để tính lại theo mức án phí vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T không được chấp nhận một phần yêu cầu nên phải chịu án phí là 2.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng ứng phí đã nộp theo biên lai thu số 0023046 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, thì Công ty T còn phải nộp thêm số tiền là 461.300 đồng.

Công ty H phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 2.000.000 đồng.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do người kháng cáo được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí kháng cáo. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho Công ty T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 94, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 306 Luật Thương Mại 2005; Điều 10, 16 Luật Giao dịch Điện tử 2005; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty T số tiền 17.925.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 3.232.000 đồng. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Bác yêu cầu Công ty T yêu cầu Công ty H phải thanh toán 35.855.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty T chịu là 2.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng ứng phí đã nộp theo biên lai thu số 0023046 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, thì Công ty T còn phải nộp thêm số tiền là 461.300 đồng.

Công ty H phải chịu là 2.000.000 đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty T theo biên lai thu số 0034226 ngày 11/9/2017 và biên lai thu số 0034533 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn